

TÌNH TRẠNG VÀ BẢO TỒN KHU HỆ LINH TRƯỞNG TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BẮC HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thái Văn Thành¹, Đồng Thanh Hải², Thảo A Tung³, Nguyễn Ngọc Tuấn⁴

¹ Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

^{2,3} Trường Đại học Lâm nghiệp

⁴ Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Trị

TÓM TẮT

Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa nằm về phía Bắc huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, là khu bảo tồn duy nhất nằm về phía Tây của Dãy Trường Sơn. Khu bảo tồn được đánh giá có tính đa dạng sinh học cao, đặc biệt đây là nơi trú ngụ của nhiều loài Linh trưởng nguy cấp, quý hiếm ở Việt Nam. Cho đến nay, đã có một số cuộc điều tra về thành phần loài Linh trưởng trong Khu bảo tồn, tuy nhiên các nghiên cứu chuyên sâu về các loài này tại KBT còn hạn chế. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định thành phần loài, tần suất bắt gặp, giá trị bảo tồn và các mối đe dọa đến khu hệ Linh trưởng. Phương pháp phỏng vấn, điều tra theo tuyến, điều tra theo điểm, đặt bẫy máy ảnh và phương pháp điều tra đêm đã được sử dụng để thu thập số liệu. Kết quả đã ghi nhận tổng số 9 loài linh trưởng thuộc 3 họ, trong đó có 8 loài được ghi nhận qua quan sát trực tiếp ngoài thực địa. Tần suất bắt gặp các loài Linh trưởng trên các tuyến điều tra là khác nhau, dao động từ 0,04 - 1,36 lần/km, trong đó Chà vá chân nâu là loài bắt gặp nhiều nhất. Hai nhóm mối đe dọa đến các loài Linh trưởng là: săn bắn (bao gồm săn bắn và bẫy bắt) và phá hủy sinh cảnh (khai thác gỗ trái phép, phá rừng làm nương rẫy, khai thác lâm sản ngoài gỗ và chăn thả gia súc). Bốn giải pháp chính nhằm bảo tồn các loài Linh trưởng đó là: Bảo vệ loài và sinh cảnh; Tăng cường thực thi pháp luật; Nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương và tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học.

Từ khóa: Bắc Hướng Hóa, Linh trưởng, Quảng Trị, tần suất bắt gặp, thành phần loài.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Bắc Hướng Hóa được thành lập theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/03/2007 với tổng diện tích 23.456,7 ha rừng và đất rừng, thuộc địa bàn phía Bắc huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Đây là khu vực có tính đa dạng sinh học cao, là nơi giao lưu của khu hệ động vật giữa Tây và Đông Trường Sơn, giữa Bắc và Nam Trường Sơn (Khổng Trung, 2014). Đặc biệt, đây còn là nơi phân bố của nhiều loài Linh trưởng quý hiếm như: Voọc hà tĩnh, Chà vá chân nâu, Cu li lớn...

Đến nay đã có những chương trình điều tra về động vật tại Khu bảo tồn được thực hiện theo đó ghi nhận được 8 loài linh trưởng thuộc 3 họ (Hà Văn Hoan, 2016; Ngô Kim Thái và cộng sự, 2013). Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chỉ dừng lại việc thống kê thành phần loài động vật, do đó những thông tin cụ thể về khu vực phân bố cũng như tần suất bắt gặp các loài Linh trưởng trên các tuyến điều tra là chưa có.

Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định thành phần loài, tần suất bắt gặp, giá

trị bảo tồn và các mối đe dọa các loài linh trưởng để làm cơ sở đề xuất các giải pháp và kế hoạch bảo tồn phù hợp.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thú linh trưởng là nhóm động vật bao gồm các loài thú thích nghi một phần hoặc thích nghi hoàn toàn với đời sống trên cây. Đây cũng là nhóm thú gồm các loài động vật chuyên hoạt động về đêm và ban ngày. Vì thế, nghiên cứu thú linh trưởng đòi hỏi phải có sự kết hợp linh hoạt của nhiều phương pháp phù hợp với tập tính sinh thái học từng loài. Một số phương pháp điều tra linh trưởng truyền thống có độ tin cậy cao và đã được sử dụng để nghiên cứu như:

2.1. Phương pháp phỏng vấn

Tám mươi lăm (85) cán bộ KBT và người dân địa phương được phỏng vấn trước và trong quá điều tra thực địa. Để đảm bảo tính chính xác cao nghiên cứu đã sử dụng hình ảnh màu của một số loài linh trưởng tại khu vực điều tra để đối tượng phỏng vấn xem và nhận diện. Kết quả được ghi chép vào mẫu biểu chuẩn bị sẵn.

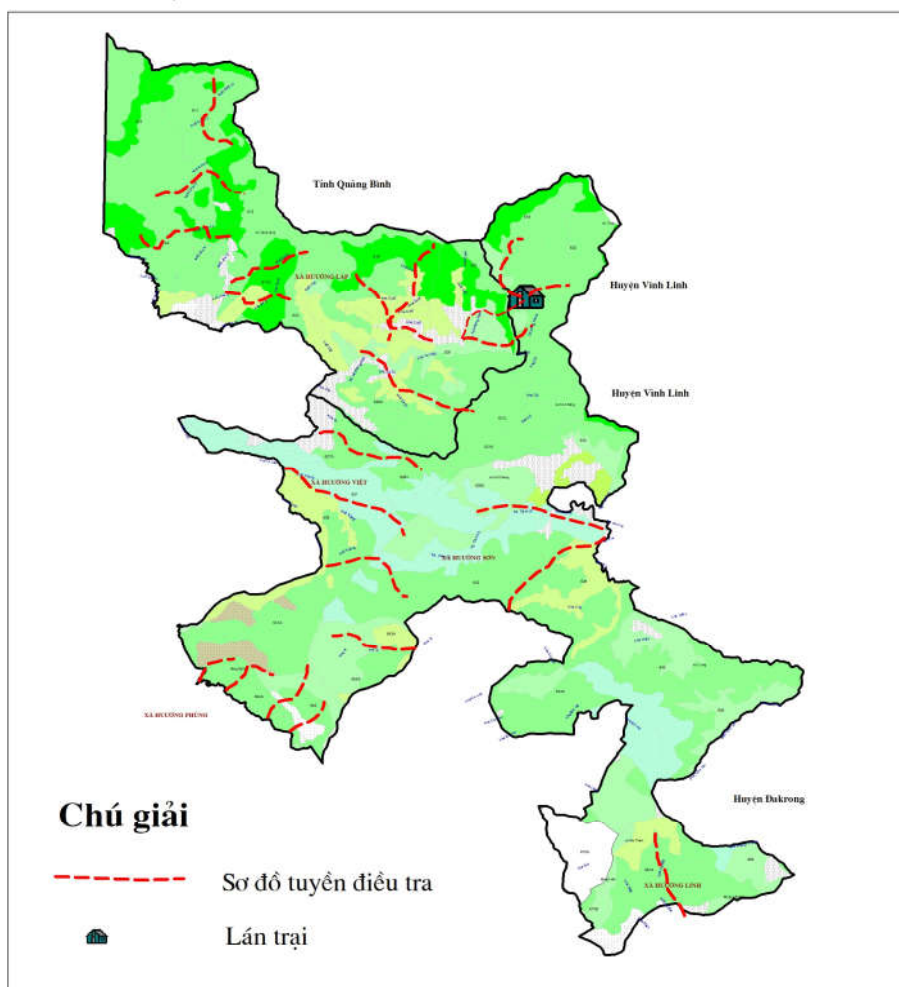
2.2. Phương pháp điều tra theo tuyến

Tuyến điều tra được thiết kế có chiều dài từ

1,5 - 5 km đi qua các dạng địa hình, sinh cảnh, đai cao khác nhau, ưu tiên những sinh cảnh yêu thích của Linh trưởng như: Núi rừng còn tốt, dọc theo khe suối và các đỉnh núi cao. Trên tuyến người điều tra di chuyển với tốc độ 1 - 1,2 km/h, liên tục quan sát xung quanh, hai bên tuyến, trên ngọn cây để phát hiện loài. Trong thời gian điều tra cứ 30 phút dừng lại quan sát tại điểm thoáng hoặc trên đỉnh giồng 1 lần

trong khoảng 30 phút. Thời gian điều tra từ 6h00 đến 16h00. Khi phát hiện loài các thông tin được thu thập và ghi vào biểu mẫu chuẩn bị sẵn: Tên loài, thời gian bắt gặp, số lượng cá thể, đực cái, tọa độ GPS, và sinh cảnh nơi bắt gặp... Tổng cộng đã có 22 tuyến được điều tra với tổng chiều dài tuyến khoảng 53 km, tương đương khoảng 550h điều tra (Hình 1).

**SƠ ĐỒ TUYỂN ĐIỀU TRA
TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BẮC HƯỚNG HÓA**



Hình 1. Sơ đồ các tuyến điều tra tại KBTTN Bắc Hướng Hóa

2.3. Phương pháp điều tra theo điểm (điều tra Vườn)

Phương pháp điểm nghe (Listening point) được sử dụng để điều tra tình trạng quần thể Vượn tại khu vực nghiên cứu. Các điểm điều tra được lập trên các đỉnh cao, có vị trí thuận lợi để nghe được tiếng hót. Sử dụng 3 nhóm điều tra, mỗi nhóm tối thiểu 2 người, ở 3 vị trí khác nhau trong vùng điều tra có diện tích khoảng 1 km², thực hiện điều tra trong cùng

thời điểm. Thời gian điều tra từ 05h00 - 09h00 sáng, tối thiểu 3 ngày liên tục/1 điểm, có thể đổi vị trí cho nhau giữa các nhóm. Các thông tin được thu thập vào phiếu gồm: Vị trí điểm nghe (tọa độ), hướng đến đàn (độ), khoảng cách điểm đứng nghe đến đàn (m) và ước lượng số lượng cá thể cái, đực, con non, con trưởng thành theo giọng hót, bè (con).

2.4. Phương pháp điều tra đêm (điều tra Culi)

Các loài Culi có tập tính hoạt động nhiều về

đêm, vì vậy thời gian điều tra được tiến hành từ 18h30 đến 0h00. Trên tuyến điều tra, người điều tra tiến hành di chuyển nhẹ nhàng với tốc độ 0,5 - 0,8 km/h. Sử dụng đèn pin, để quan sát trên mặt đất, tán rừng, phát hiện và nhận diện loài dựa vào đặc điểm hình thái và kích thước cá thể, thông tin thu thập được ghi chép vào mẫu biểu đầy đủ. Tổng cộng đã có 22 tuyến với chiều dài khoảng 25 km được điều tra, tương đương với khoảng 18h điều tra.

2.5. Phương pháp bẫy ảnh

Để điều tra các loài Linh trưởng có tập tính di chuyển dưới mặt đất, 9 máy bẫy ảnh loại Bushnell Trophy Cam đã được lắp đặt tại các vị trí khác nhau trong khu Bảo tồn từ ngày 18/4/2016. Tổng cộng đã có 1995 ngày, đêm đặt máy trong rừng, thu được khoảng 1750. Máy được lắp đặt tại các điểm tối ưu hóa khả năng ghi nhận các cá thể động vật di chuyển. Các bẫy ảnh được kiểm tra định kỳ 2 - 3 tháng một lần để lấy dữ liệu và thay pin.

2.6. Xử lý số liệu

Nhận diện và xác định các loài thú tại thực địa theo tài liệu Francis (2008). Tên phổ thông theo Nguyễn Xuân Đặng và Lê Xuân Cảnh (2009); Xác định các loài quý, hiếm có giá trị bảo tồn dựa vào các tài liệu sau: Nghị Định 32/2006/NĐ-CP, Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ thế giới (IUCN, 2017) và Công ước CITES (2017). Sử dụng các phần mềm, công thức toán học để phân tích, tính toán mật độ, tần suất bắt gặp...

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài Linh trưởng tại Khu bảo tồn Bắc Hướng Hóa

Kết quả điều tra, khảo sát tại các tuyến, điểm trong Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa và phỏng vấn người dân sống ở các bản, làng tại 5 xã trong vùng đệm đã ghi nhận được tổng số 9 loài Linh trưởng thuộc 3 họ, chiếm 36,0% tổng số loài Linh trưởng hiện có ở Việt Nam (Bảng 1).

Bảng 1. Thành phần loài Linh trưởng tại Khu Bảo tồn Bắc Hướng Hóa

TT	Tên khoa học	Tên việt nam	Nguồn	Tình trạng bảo tồn				
				SDVN 2007	IUCN 2017	NĐ160/ 2013	NĐ32/ 2006	CITES
	PRIMATES	Bộ Linh trưởng						
	Loricidae	Họ Cu li						
1	<i>Nycticebus bengalensis</i> (Lacepede, 1800)	Cu li lớn	TL, PV	VU	VU	Có	IB	I
2	<i>Nycticebus pygmaeus</i> (Bonhote, 1907)	Cu li nhỏ	QS	VU	VU	Có	IB	I
	Cercopithecidae	Họ Khỉ						
3	<i>Macaca arctoides</i> (Geoffroy, 1831)	Khỉ mặt đỏ	QS	VU	VU		IIB	II
4	<i>Macaca mulatta</i> (Zimmermann, 1780)	Khỉ vàng	QS	LR	LC		IIB	II
5	<i>Macaca leonina</i> (Blyth,1863)	Khỉ đuôi lợn	QS	VU	VU		IIB	II
6	<i>Macaca assamensis</i> (M'Clelland, 1840)	Khỉ mốc	QS	VU	NT			II
7	<i>Pygathrix nemaeus</i> (Linnaeus, 1771)	Chà vá chân nâu	QS	EN	EN	Có	IB	I
8	<i>Trachypithecus hatinhensis</i> (Dao, 1970)	Voọc hà tĩnh	QS	EN	EN	Có	IB	II
	Hylobatidae	Họ Vượn						
9	<i>Nomascus siki</i> (Delacour, 1951)	Vượn siki	QS	EN	CR	Có	IB	I

Ghi chú: QS - quan sát; PV - phỏng vấn, TL - tài liệu.

NĐ160/2013: Nghị định 160 của chính phủ năm 2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh lục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; SDVN: Sách Đỏ Việt Nam năm 2007; IUCN: Danh lục Đỏ thế giới (IUCN) năm 2017; IB - Nghiêm cấm khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; IIB - Hạn chế khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; CITES: Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật hoang dã.

+ CR: Loài ở mức Cực kỳ nguy cấp;

+ EN: Loài ở mức nguy cấp;

+ VU: Loài ở mức sẽ nguy cấp;

+ LR: Ít nguy cấp;

+ LC: Ít quan tâm;

+ I, II, III: Phụ lục I, phụ lục II và phụ lục III của công ước CITES.

Trong tổng số 9 loài đã ghi nhận, có 8 loài (chiếm 88,89%) được ghi nhận qua quan sát trực tiếp, nghe tiếng hót ngoài thực địa là: Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*), Khi mặt đỏ (*Macaca arctoides*), Khi vàng (*Macaca mulatta*), Khi đuôi lợn (*Macaca leonina*), Khi mốc (*Macaca assamensis*) Chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Voọc hà tĩnh (*Trachypithecus hatinhensis*) và Vượn siki (*Nomascus siki*). Cu li lớn (*Nycticebus bengalensis*), là loài duy nhất chưa quan sát được trình quá trình điều tra. Tuy nhiên các nghiên cứu gần đây tại KBT đều ghi nhận sự có mặt của loài này (bảng 2) (Hà Văn Hoan, 2016; Khổng Trung, 2014; Ngô Kim Thái và cộng sự, 2013; Trung tâm Tài nguyên và Môi trường Lâm nghiệp, 2015). Ngoài ra kết quả phỏng vấn cũng ghi nhận sự có mặt của loài tại Khu Bảo tồn Bắc Hướng Hóa.

Về mặt phân loại học, trong tổng số 9 loài Linh trưởng đã ghi nhận tại Bắc Hướng Hóa thuộc 3 họ, trong đó họ Khi có 6 loài (chiếm 66,67 %), họ Cu li có 2 loài (chiếm 22,22%) và họ Vượn 1 loài (chiếm 11,11%).

So sánh với các kết quả nghiên cứu về Linh trưởng trong thời gian gần đây tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa, nghiên cứu này đã phát hiện và khẳng định lại sự có mặt của loài Khi mốc (*Macaca assamensis*) tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa.

3.2. Tình trạng bảo tồn các loài Linh trưởng

Qua bảng 1 cho thấy, tổng số 9 loài Linh trưởng đều thuộc diện nguy cấp, quý, hiếm. Có 8 loài (chiếm 88,89%) được liệt kê trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong đó có 3 loài xếp ở mức nguy cấp (EN); 5 loài xếp ở mức sẽ nguy cấp (VU); 7 loài (chiếm 77,7%) được liệt kê trong Danh lục Đỏ Thế giới (2017), trong đó 2 loài xếp ở mức nguy cấp (EN) và 4 loài xếp ở mức sẽ nguy cấp (VU) và 1 loài mức rất nguy cấp (CR). Trong khi đó Nghị định 32/2006/NĐ-CP gồm cả 8 loài cụ thể 5 loài thuộc nhóm IB và 3 loài thuộc nhóm IIB. Ngoài ra, công ước CITES cũng gồm cả 8 loài trong đó cả phụ lục I và II đều có 4 loài. Đặc biệt có 4 loài nằm trong nghị định 160 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Như vậy, có thể kết luận rằng các loài Linh trưởng có mặt tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa có giá trị bảo tồn cao và cần được ưu tiên bảo vệ, bảo tồn hợp lý.

3.3. Tần suất bắt gặp các loài Linh trưởng trên tuyến điều tra

Mức độ phong phú của các loài Linh trưởng tại khu vực nghiên cứu được thể hiện qua tần suất bắt gặp các loài trên tuyến. Số liệu điều tra cho thấy tần suất bắt gặp các loài Linh trưởng tại các tuyến điều tra là khác nhau (bảng 2).

Trong tổng số 22 tuyến điều tra đã được thành lập tại KBT để điều tra khu hệ Linh trưởng thì chỉ có 3 tuyến không quan sát được Linh trưởng là tuyến số 17, 20 và 21. Trong khi đó 19 tuyến điều tra còn lại đều quan sát được các loài Linh trưởng với tần suất bắt gặp khác nhau. Tần suất bắt gặp loài Chà vá chân nâu tại tuyến số 9 là cao nhất với 1,36 lần/km trong khi đó tần suất bắt gặp loài Cu li nhỏ tại tuyến số 18 là thấp nhất với 0,04 lần/km.

Quá trình điều tra bắt gặp loài Chà vá chân nâu (*P. nemaeus*) nhiều nhất, hầu như đều được quan sát trên các tuyến trong khi đó Cu li nhỏ chỉ quan sát được duy nhất một lần. Qua đây cho thấy kích thước quần thể loài Chà vá chân nâu lớn hơn so với các loài khác.

Bảng 2. Tần suất bắt gặp các loài trên tuyến điều tra

Tuyến	Loài bắt gặp	Số lần	Chiều dài tuyến (km)	Tần suất bắt gặp (lần/ km)
1	Vượn siki	1	5,74	0,17
	Chà vá chân nâu	1	5,74	0,17
2	Vượn siki	1	12,24	0,08
	Chà vá chân nâu	3	12,24	0,25
	Khi mặt đỏ	1	12,24	0,08
3	Chà vá chân nâu	3	3,92	0,77
	Vượn siki	1	3,92	0,26
4	Chà vá chân nâu	3	12,24	0,25
	Khi vàng	1	12,24	0,08
	Vượn siki	1	12,24	0,08
5	Khi vàng	1	3,32	0,30
	Vượn siki	2	3,32	0,60
	Chà vá chân nâu	1	3,32	0,30
6	Chà vá chân nâu	1	2,56	0,39
7	Khi vàng	1	4,00	0,25
	Chà vá chân nâu	1	4,00	0,25
8	Khi vàng	1	5,26	0,19
	Chà vá chân nâu	1	5,26	0,19
9	Chà vá chân nâu	3	2,20	1,36
10	Khi đuôi lợn	1	3,57	0,28
	Vượn siki	1	3,57	0,28
	Voọc hà tĩnh	1	3,57	0,28
	Chà vá chân nâu	2	3,57	0,56
11	Khi vàng	1	4,70	0,21
	Chà vá chân nâu	1	4,70	0,21
12	Chà vá chân nâu	1	4,20	0,24
13	Chà vá chân nâu	1	4,30	0,23
	Khi vàng	1	4,30	0,23
14	Chà vá chân nâu	1	5,10	0,20
15	Khi mặt đỏ	1	15,50	0,06
	Khi vàng	2	15,50	0,13
	Chà vá chân nâu	2	15,50	0,13
	Voọc hà tĩnh	1	15,50	0,06
16	Khi vàng	1	7,42	0,13
	Chà vá chân nâu	3	7,42	0,40
	Voọc hà tĩnh	1	7,42	0,13
	Vượn siki	1	7,42	0,13
17				
18	Khi mặt đỏ	3	23,40	0,13
	Voọc hà tĩnh	5	23,40	0,21
	Vượn siki	2	23,40	0,09
	Cu li nhỏ	1	23,40	0,04
	Khi mốc	2	23,40	0,09
19	Chà vá chân nâu	1	6,20	0,16
20				
21				
22	Khi mặt đỏ	1	4,74	0,21
	Voọc hà tĩnh	1	4,74	0,21

3.4. Các mối đe dọa đến khu hệ Linh trưởng

Săn bắn và phá hủy sinh cảnh là hai nhóm mối đe dọa chính đến khu hệ Linh trưởng trong khu vực nghiên cứu. Trong đó, nhóm mối đe dọa săn bắt bao gồm: săn bắn và bẫy bắt; nhóm mối đe dọa phá hủy sinh cảnh bao gồm: khai thác gỗ trái phép, khai thác lâm sản ngoài gỗ, phá rừng làm nương rẫy, cháy rừng và khai thác quặng.

3.4.1. Săn bắn các loài Linh trưởng

Săn bắt động vật hoang dã trước kia là hoạt động truyền thống của người dân nơi đây. Các hoạt động này diễn ra hầu như ở tất cả những nơi có sự phân bố của các loài động vật hoang dã. Hoạt động săn bắt thường diễn ra trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 12. Mùa này có nhiều hoa quả, thời tiết ẩm áp, thuận lợi cho việc đi săn và cơ hội bắt gặp động vật nhiều hơn. Ngoài ra, vào những tháng này người dân có nhiều thời gian nhàn rỗi hơn.

Hình thức săn bắn chủ yếu là bẫy dây và dùng súng. Đối với bẫy dây nhóm điều tra đã bắt gặp hầu hết ở các xã trong Khu bảo tồn, tập trung chủ yếu ở những nơi động vật còn phong phú, nơi kiểm lâm ít hoạt động tại bản Cọp, bản Cuôi xã Hướng Lập. Mỗi người dân đi săn thường có một quả đồi và có ranh giới rõ ràng, họ tiến hành chặt các cành cây và lá cây để rào xung quanh với chiều dài khoảng 15 m thì có một bẫy cứ rào như vậy cho hết quả đồi. Người dẫn đường cho nhóm điều tra cho biết với bẫy dây khá hiệu quả thì khoảng cũng bẫy được loài Chà vá chân nâu do đôi khi chúng xuống dưới đất. Tuy nhiên đối với các loài khỉ thì khó hơn do chúng khá thông minh nên mặc dù mắc bẫy chúng cũng có thể tự gỡ ra được. Mặc dù hiện nay Nhà nước đã tiến hành thu súng với sự tăng cường tuần tra của lực lượng kiểm lâm nhưng vẫn còn một số đối tượng giấu súng trong rừng để sử dụng săn bắn các loài động vật khi vào rừng.

Những sản phẩm săn được chủ yếu được đem bán nguyên cả con kể cả sống hay chết do giá trị lớn về kinh tế và nuôi làm cảnh. Trong suốt thời gian chúng tôi điều tra, đã phát hiện người dân nuôi loài Voọc hà tĩnh và Khỉ vàng

làm cảnh. Ngoài ra trong quá điều tra theo tuyến thường xuyên bắt gặp bầy của người dân và đã nghe thấy tiếng súng hai lần tại xã Hướng Lập.

3.4.2. Phá hủy sinh cảnh sống

Khai thác gỗ trái phép

Hoạt động khai thác gỗ chủ yếu do hai đối tượng thực hiện chính. Với cộng đồng người dân họ khai thác gỗ phục vụ cho đời sống hằng ngày như làm nhà cửa...

Hoạt động nghiêm trọng hơn cả là việc khai thác gỗ của lâm tặc, hoạt động này chủ yếu tập trung khai thác tại tiểu khu 619, 620 thuộc bản Cuôi của xã Hướng Lập. Do khu vực này cách khá xa người dân bản Cuôi và giáp với huyện Vĩnh Linh nên lâm tặc đã lợi dụng để khai thác gỗ. Hoạt động khai thác gỗ này diễn ra rất nghiêm trọng khi đối tượng khai thác sử dụng máy xúc để mở đường từ ngoài huyện Vĩnh Linh vào các tiểu khu 619, 620 để cho ô tô vận chuyển gỗ ra ngoài.

Theo thông tin người dân cho biết mỗi nhóm khai thác từ 4 - 5 người và mỗi lần khai thác gồm 3 - 4 nhóm sử dụng máy cưa xăng để khai thác. Hậu quả làm cho các cây gỗ lớn tại khu vực này hiện nay đã không còn. Không những vậy các cây gỗ lớn bị rỗng lõi được để nguyên trong rừng do không sử dụng được. Vì vậy, hoạt động này không những ảnh hưởng đến môi trường sống của động vật mà còn gây ra lãng phí tài nguyên.

Mặt khác những tiếng ồn từ hoạt động khai thác gỗ làm ảnh hưởng đến tập tính các loài động vật, đặc biệt với khu hệ Linh trưởng. Chính vì vậy trong thời gian nghiên cứu ngoài thực địa khi nhóm điều tra quan sát được loài Chà vá chân nâu, thì chúng rất hoảng sợ và di chuyển rất nhanh khi phát hiện người điều tra. Hiện tượng này ngược lại hoàn toàn với các khu vực khác trong KBT.

Hoạt động này mới dừng lại cách đây 2 năm sau khi lực lượng kiểm lâm kết hợp với người dân bản Cuôi tăng cường hoạt động tuần tra.

Phá rừng làm nương rẫy

Trong khu bảo tồn chủ yếu là đồng bào dân tộc Vân Kiều do tập quán của họ sống trên cao,

cuộc sống gắn liền với rừng và cuộc sống vẫn còn đói nghèo, mặt khác khu vực này khá cao diện tích đất bằng phẳng khá hẹp nên diện tích trồng lúa của người dân ít. Vì vậy họ thường phá rừng để canh tác lúa nương. Hoạt động này không chỉ diễn ra tại khu vực giáp ranh của KBT mà còn tại khu vực Khe Cuôi gần tiểu khu 618 thuộc vùng lõi của KBT. Hoạt động phá rừng làm nương rẫy đã làm thu hẹp sinh cảnh sống của các loài động vật nói chung và các loài Linh trưởng nói riêng.

Khai thác lâm sản ngoài gỗ

Do cuộc sống của người dân vẫn còn khó khăn nên một bộ phận người dân vẫn còn vào rừng khai thác một số lâm sản ngoài gỗ như phong lan, cây thuốc và mật ong... để bán.

Lan là sản phẩm ưa thích của thị trường hiện nay, do trong KBT có nhiều loài lan quý hiếm như: Lan hài, Lan kim tuyến, Bảy lá một hoa... Hiện nay loài cây thu hái chủ yếu là cây Bảy lá một hoa. Đối tượng thu hái chủ yếu là phụ nữ, họ thường đi từ 3 - 4 người thành một nhóm. Giá bán tươi hiện nay là 500.000 đ/kg và có người từ ngoài vào tận các bản thu mua. Để thu hái được loài lan này thì người dân phải đi vào sâu trong rừng nên ảnh hưởng đến môi trường sống của Linh trưởng.

Đối với mật ong, đối tượng khai thác chủ yếu là nam giới, mặc dù hoạt động này không diễn ra thường xuyên tuy nhiên do giá trị kinh tế khá lớn nên một số người dân vẫn vào rừng khai thác. Hiện nay người dân khai thác chủ yếu là để bán với giá từ 400.000 - 500.000 đ/lít. Những hoạt động đi lại này cũng ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của Linh trưởng.

Chăn thả gia súc (Trâu, Bò)

Do đặc thù trong KBT có nhiều bản người dân tộc thiểu số sống xen kẽ và có các bản nằm trong vùng đệm trong nên thiếu diện tích chăn thả gia súc. Hoạt động này xảy ra ở những khu vực rừng tự nhiên gần khu dân cư Bản Chênh Vênh xã Hướng Phùng, xã Hướng Sơn, khu dân cư sống trong rừng đặc biệt là Bản Cuôi là bản thuộc vùng đệm trong của KBT là cộng đồng đã sinh sống lâu năm ở đây. Những tác động từ các hoạt động này là khá

lớn. Cụ thể, việc gia súc kiếm ăn và hoạt động trong rừng đã gây ra sự cạnh tranh về thức ăn, nơi sống đối với động vật nói chung. Hoạt động đi lại của trâu bò còn ảnh hưởng đến các loài cây gỗ tái sinh làm gãy ngọn, cành dẫn đến tốc độ phục hồi của rừng chậm lại. Ngoài ra, việc chăn thả gia súc có thể dẫn tới việc truyền các bệnh từ động vật nhà sang động vật hoang dã.

Ngoài các mối đe dọa trên hiện nay hoạt động của Công ty Việt Ren (trước đây là Công ty Thái Hòa trồng Cà phê với S = 195 ha) nằm trên địa bàn thôn Xa Bai xã Hướng Linh (phía Nam của KBT) đang khai thác cây cũ (Cà phê) với hoạt động thường xuyên của máy cưa xăng và xe vận chuyển ở sát ranh giới ở KBT nên hoạt động này gây tiếng ồn lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến các loài động vật, đặc biệt là các loài Linh trưởng. Trong quá trình điều tra tại khu vực này, nhóm điều tra không quan sát thấy các loài Linh trưởng cũng như dấu vết của các loài động vật lớn khác. Hiện Công ty đang trồng cây Mắc ca, theo thông tin của Công ty cho biết trong thời gian khoảng 2 - 5 năm sẽ ra quả bán với giá dự kiến là 40.000 đ/kg; và từ 30 năm trở lên sẽ bán cây với giá 600.000 đ/kg.

3.5. Đề xuất giải pháp bảo tồn

3.5.1. Bảo vệ loài và sinh cảnh

Để bảo tồn có hiệu quả các loài Linh trưởng, điều quan trọng đầu tiên là phải bảo vệ tốt các sinh cảnh của chúng, nhằm duy trì môi trường sống phù hợp, an toàn trong mùa sinh sản, nơi cư trú, nơi kiếm ăn... để làm được điều đó cần phải thực hiện đồng bộ các hoạt động:

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ nguyên trạng diện tích rừng. Nghiêm cấm việc khai thác gỗ trái phép trong KBT.

- Quản lý chặt chẽ việc đốt nương làm rẫy của người dân vùng sống trong khu vực, đặc biệt tại Bản Cuôi xã Hướng Lập và xã Hướng Sơn.

- Thực hiện triệt để việc cấm chăn thả gia súc tự do vào rừng, đặc biệt là khu vực có các loài Linh trưởng sinh sống.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ KBT về các kỹ năng nhận biết loài, ghi chép, sử dụng

thiết bị thực địa (GPS, địa bàn, bản đồ) và viết báo cáo.

3.5.2. Tăng cường thực thi pháp luật

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện kịp thời các đối tượng vi phạm; đồng thời thực hiện các chế tài xử phạt nghiêm minh đối với các đối tượng vi phạm về săn bắt, buôn bán. Khen thưởng kịp thời cho những tập thể, cá nhân có thành tích trong việc phát hiện các hành vi vi phạm trong sử dụng, mua bán, vận chuyển, chế biến, sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã và các loài Linh trưởng để khuyến khích nhân dân tham gia công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng nói chung và bảo vệ các loài động vật hoang dã, Linh trưởng nói riêng.

3.5.3. Nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương

Nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương là một trong giải pháp quan trọng trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học. Tuy nhiên, các chương trình này hiện nay đang còn thiếu tại KBT. Vì vậy cần xây dựng kịp thời chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về tầm quan trọng phải bảo vệ các loài linh trưởng. Các chương trình này có thể kết hợp với các chương trình tuyên truyền về bảo vệ rừng định kỳ của KBT. Khuyến khích người dân thông báo cho chính quyền địa phương và KBT các thông tin về sự có mặt của các loài Linh trưởng cũng như các mối đe dọa để đưa ra các giải pháp bảo vệ kịp thời. Ngoài ra, cần mở các lớp ngắn hạn cho các xã và nhân dân, cho các thầy cô giáo ở các trường trên địa bàn, các tổ chức xã hội như hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi, hội phụ nữ, thanh niên.

3.5.4. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học

Để bảo tồn các loài linh trưởng tại KBT, những thông tin về kích thước quần thể, sinh thái thức ăn, tập tính và sự cạnh tranh về môi trường sống với các loài khác cần thiết phải làm rõ, đồng thời cần được xác định cụ thể hơn về mặt phân loại học với các loài trong các

giống *Nomascus*, *Pygathrix* và *Macaca*, do khu vực Hướng Hóa là vùng giao thoa về phân bố của các loài và chưa có nhiều thông tin cũng như nghiên cứu về phân loại học vì vậy dẫn đến việc rất khó để kiểm tra, so sánh tình trạng cũng như phân bố của chúng từ các dữ liệu và kết quả điều tra cũ. Vì vậy, cần tăng cường các hoạt động nghiên cứu nhằm cung cấp các thông tin trên để từ đó làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn.

4. KẾT LUẬN

Đã ghi nhận được 9 loài linh trưởng thuộc ba họ (họ Cu li - Loricidae; họ Khỉ - Cercopithecidae và họ Vượn - Hylobatidae) tại KBT và cả 9 loài linh trưởng đã đều nằm trong danh mục nguy cấp, quý hiếm cần ưu tiên cho bảo tồn (Sách Đỏ Việt Nam 2007; Danh lục Đỏ thế giới, IUCN 2017; Nghị Định 160/2003; Nghị Định 32/2006 và Công ước CITES).

Tần suất bắt gặp các loài linh trưởng trên các tuyến điều tra là khác nhau, dao động từ 0,04 - 1,36 lần/km. Trong đó Chà vá chân nâu là loài bắt gặp nhiều nhất.

Hai nhóm đe dọa ảnh hưởng nhiều nhất đến các loài linh trưởng là: săn bắn (bao gồm săn bắn và bẫy bắt) và phá hủy sinh cảnh (khai thác gỗ trái phép, phá rừng làm nương rẫy, khai thác lâm sản ngoài gỗ và chăn thả gia súc).

Nghiên cứu đã đề xuất 4 giải pháp chính nhằm bảo tồn các loài Linh trưởng đó là: Bảo vệ loài và sinh cảnh; Tăng cường thực thi pháp luật; Nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương và Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam (2007). *Sách Đỏ Việt Nam* (phần I - Động vật). Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2006). *Nghị định 32/2006/NĐ-CP: Về quản lý động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm*. Hà Nội.
3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2013). *Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ: Về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*. Hà Nội.

4. Dự án tăng cường công tác quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam - SPAM (2003). *Sổ tay hướng dẫn điều tra và giám sát đa dạng sinh học*. Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội.
5. Đỗ Quang Huy, Lê Xuân Cảnh và Lưu Quang Vinh (2009). *Quản lý động vật rừng*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Khổng Trung (2014). *Nghiên cứu đa dạng sinh học và các giá trị dịch vụ của hệ sinh thái rừng tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị*. Luận án Tiến sĩ Lâm nghiệp, Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội.
7. Ngô Kim Thái, Khổng Trung, Ngô Viết Huy, Đặng Huy Phương và Nguyễn Trường Sơn (2013). Thành phần loài và giá trị bảo tồn của khu hệ thú khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị. *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5*.
8. Nguyễn Xuân Đăng và Lê Xuân Cảnh (2009). *Phân loại học lớp thú (Mamamia)*. Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
9. Phạm Nhật (2002). *Thú Linh trưởng của Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Trung tâm Tài nguyên và Môi trường Lâm nghiệp (2015). *Báo cáo quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa đến năm 2020, định hướng đến 2030*.
11. Francis, C. M. (2008). *A Guide to the mammals of Southeast Asia*. USA: Princeton University Press
12. The International Union for Conservation of Nature (IUCN, 2017). The IUCN Red List of Threatened Species, có tại: <http://www.iucnredlist.org/search>, [Ngày truy cập 16 tháng 10 năm 2017].
13. CITES (2017), có tại: <http://checklist.cites.org/#/en> [Ngày truy cập 20 tháng 10 năm 2017].

STATUS AND CONSERVATION OF PRIMATES IN BAC HUONG HOA NATURE RESERVE, QUANG TRI PROVINCE

Thai Van Thanh¹, Dong Thanh Hai², Thao A Tung³, Nguyen Ngoc Tuan⁴

¹People's Committee of Vinh Linh district, Quang Tri province

^{2,3}Vietnam National University of Forestry

⁴Quang Tri Forest Protection Department

Bac Huong Hoa Nature reserve (NR) is located to the north of Huong Hoa district, Quang Tri province, the only protected area to the west of the Truong Son range. The reserve has been considered rich in biodiversity; especially it is home to a number of endangered primate species in Vietnam. So far, there have been some surveys of primate species in the reserve, but in-depth studies of these species in the NR are limited. The objectives of this study were to determine species composition, frequency of occurrence, conservation values and threats to the primate population. Interviewing, line transect surveys, listening points and camera trapping methods were used to collect data. The results indicate that primate fauna in the reserve is diverse and abundant. A total of 9 primate species belonging to 03 families were recorded during the study. The frequency of primates encountered on the transect lines varies from 0.04 to 1.36 times/km, in which Red-shanked douc langur is the most common species. Two groups of threats to primate species are: hunting (including hunting and trapping) and habitat destruction (illegal logging, deforestation for agriculture, Non Timber Forest Product extraction and grazing cattle). The 4 main solutions for conservation of primate species are: the protection of species and habitats; strengthening law enforcement; raise awareness of local communities and strengthen research activities.

Keywords: Bắc Hương Hóa, encounter frequency, primates, Quảng Trị, species composition.

Ngày nhận bài : 09/10/2018

Ngày phản biện : 16/11/2018

Ngày quyết định đăng : 26/11/2018